

PHẦN MỞ ĐẦU

Nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, do đó sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh đó cũng có những điểm khác so với trước đây.

Trước những năm 1986, do nhận thức và vận dụng sai lầm lý luận của chủ nghĩa Mác –Lênin vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã dẫn đến những thất bại to lớn như sự sụp đổ của hệ thống các nước XHCN ở Liên xô và các nước Đông Âu, còn ở Việt nam do nhận thức và vận dụng sai lầm đã dẫn đến tụt hậu về kinh tế và khủng hoảng về chính trị.

Trong khi khẳng định tính toàn diện, phạm vi bao quát tất cả các mặt, các lĩnh vực của quá trình đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã đồng thời coi đổi mới tư duy lý luận, tư duy chính trị về chủ nghĩa xã hội là khâu đột phá; trong khi nhấn mạnh sự cần thiết phải đổi mới cả lĩnh vực kinh tế lẫn lĩnh vực chính trị, Đảng ta cũng xem đổi mới kinh tế là trọng tâm.

Thực tiễn hơn 10 năm đổi mới nước ta mang lại nhiều bằng chứng xác nhận tính đúng đắn của những quan điểm nêu trên. Đại hội đại biểu lần thứ VIII của đảng đã khẳng định "xét trên tổng thể, Đảng ta bắt đầu công cuộc đổi mới từ đổi mới về tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối và chính sách đối nội đối ngoại. Không có sự đổi mới đó thì không có sự đổi mới khác.

Nhằm góp phần nhận thức đúng đắn hơn về nhiệm vụ xây dựng CNXH trong thời kỳ quá độ lên CNXH, tôi đã lựa chọn đề tài "***Quan điểm toàn diện và vận dụng vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt nam hiện nay***".

Đề tài tập trung nghiên cứu Quá trình xây dựng CNXH ở Việt nam từ trước và sau đổi mới đến nay, và một số kiến nghị vận dụng quan điểm toàn diện của chủ nghĩa Mác-Lênin vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt nam.

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở những nguyên lý và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, thế giới quan duy vật biện chứng, căn cứ vào một số quan điểm đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước từ sau Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ VI.

Kết cấu đề tài, ngoài lời nói đầu và kết luận gồm hai chương

Chương 1: Lý luận chung về quan điểm toàn diện

Chương 2: Vận dụng quan điểm toàn diện vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt nam.

Do điều kiện thời gian cũng như trình độ am hiểu về vấn đề này còn hạn chế, nên không tránh khỏi những thiếu sót, tác giả mong nhận được những ý kiến đánh giá của thầy cô giáo và các bạn để đề tài này được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN

1.1- NGUYÊN LÝ VỀ MỐI LIÊN HỆ PHỔ BIẾN

Theo quan điểm siêu hình, các sự vật hiện tượng tồn tại một cách tách rời nhau, cái này bên cạnh cái kia, giữa chúng không có sự phụ thuộc, không có sự ràng buộc lẫn nhau, những mối liên hệ có chăng chỉ là những liên hệ hời hợt, bề ngoài mang tính ngẫu nhiên. Một số người theo quan điểm siêu hình cũng thừa nhận sự liên hệ và tính đa dạng của nó nhưng lại phủ nhận khả năng chuyển hoá lẫn nhau giữa các hình thức liên hệ khác nhau.

Ngược lại, quan điểm biện chứng cho rằng thế giới tồn tại như một chỉnh thể thống nhất. Các sự vật hiện tượng và các quá trình cấu thành thế giới đó vừa tách biệt nhau, vừa có sự liên hệ qua lại, thâm nhập và chuyển hoá lẫn nhau.

Về nhân tố quy định sự liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng trong thế giới, chủ nghĩa duy tâm cho rằng cơ sở của sự liên hệ, sự tác động qua lại giữa các sự vật và hiện tượng là các lực lượng siêu tự nhiên hay ở ý thức, ở cảm giác của con người. Xuất phát từ quan điểm duy tâm chủ quan, Béccoli coi cơ sở của sự liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng là cảm giác. Đứng trên quan điểm duy tâm khách quan, Hêghen lại cho rằng cơ sở của sự liên hệ qua lại giữa các sự vật, hiện tượng là ở ý niệm tuyệt đối.

Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định cơ sở của sự liên hệ qua lại giữa các sự vật hiện tượng là tính thống nhất vật chất của thế giới.

Theo quan điểm này, các sự vật hiện tượng trên thế giới dù có đa dạng, khác nhau như thế nào đi chăng nữa thì chúng cũng chỉ là những dạng tồn tại khác nhau của một thế giới duy nhất là thế giới vật chất. Ngay cả ý thức, tư tưởng của con người vốn là những cái phi vật chất cũng chỉ là thuộc tính của một dạng vật chất có tổ chức cao nhất là bộ óc

con người, nội dung của chúng cũng chỉ là kết quả phản ánh của các quá trình vật chất khách quan.

Quan điểm duy vật biện chứng không chỉ khẳng định tính khách quan, tính phổ biến của sự liên hệ giữa các sự vật hiện tượng, các quá trình, mà nó còn nêu rõ tính đa dạng của sự liên hệ qua lại: có mối liên hệ bên trong và mối liên hệ bên ngoài, có mối liên hệ chung bao quát toàn bộ thế giới và mối liên hệ bao quát một số lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực riêng biệt của thế giới, có mối liên hệ trực tiếp, có mối liên hệ gián tiếp mà trong đó sự tác động qua lại được thể hiện thông qua một hay một số khâu trung gian, có mối liên hệ bản chất, có mối liên hệ tất nhiên và liên hệ ngẫu nhiên, có mối liên hệ giữa các sự vật khác nhau và mối liên hệ giữa các mặt khác nhau của sự vật. Sự vật, hiện tượng nào cũng vận động, phát triển qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau, giữa các giai đoạn đó cũng có mối liên hệ với nhau, tạo thành lịch sử phát triển hiện thực của các sự vật và các quá trình tương ứng.

Tính đa dạng của sự liên hệ do tính đa dạng trong sự tồn tại, sự vận động và phát triển của chính các sự vận động và phát triển của các sự vật hiện tượng.

Mối liên hệ bên trong là mối liên hệ qua lại, là sự tác động lẫn nhau giữa các bộ phận, giữa các yếu tố, các thuộc tính, các mặt khác nhau của một sự vật, nó giữ vai trò quyết định đối với sự tồn tại, vận động và phát triển của sự vật. Mối liên hệ bên ngoài là mối liên hệ giữa các sự vật, các hiện tượng khác nhau, nói chung nó không có ý nghĩa quyết định, Hơn nữa, nó thường phải thông qua mối liên hệ bên trong mà phát huy tác dụng đối với sự vận động và phát triển của sự vật. Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là phủ nhận hoàn toàn vai trò của mối liên hệ bên ngoài đối với sự vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng. Mối liên hệ bên ngoài cũng hết sức quan trọng, đôi khi có thể giữ vai trò quyết định.

Mối liên hệ bản chất và không bản chất, mối liên hệ tất yếu và ngẫu nhiên cũng có tính chất tương tự như đã nói ở trên. Ngoài ra chúng còn có những nét đặc thù. Chẳng hạn như, cái là ngẫu nhiên khi xem xét trong quan hệ này lại là cái tất nhiên khi xem xét trong mối liên hệ khác, ngẫu nhiên lại là hình thức biểu hiện ra bên ngoài của cái tất yếu, hiện tượng là hình thức biểu hiện ít nhiều đầy đủ của bản chất. Đó là những hình thức đặc thù của sự biểu hiện những mối liên hệ tương ứng.

Như vậy, quan điểm duy vật biện chứng về sự liên hệ đòi hỏi phải thừa nhận tính tương đối trong sự phân loại các mối liên hệ. Các loại liên hệ khác nhau có thể chuyển hoá lẫn nhau. Sự chuyển hoá như vậy có thể diễn ra hoặc do thay đổi phạm vi bao quát khi xem xét, hoặc do kết quả vận động khách quan của chính sự vật và hiện tượng.

Trong tính đa dạng của các hình thức và các loại liên hệ tồn tại trong tự nhiên, trong xã hội và trong tư duy con người, phép biện chứng duy vật, tập trung nghiên cứu những loại liên hệ chung, mang tính chất phổ biến. Những hình thức và những kiểu liên hệ riêng biệt trong các bộ phận khác nhau của thế giới là đối tượng nghiên cứu của các ngành khoa học khác.

1.2 - QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN TRONG TRIẾT HỌC MÁC- LÊNIN

Từ việc nghiên cứu nguyên lý về mối liên hệ phổ biến của sự vật hiện tượng, triết học Mác - Lênin rút ra quan điểm toàn diện trong nhận thức

Với tư cách là một nguyên tắc phương pháp luận trong việc nhận thức các sự vật hiện tượng, quan điểm toàn diện đòi hỏi để có được nhận thức đúng đắn về sự vật hiện tượng. Một mặt, chúng ta phải xem xét nó trong mối liên hệ qua lại giữa các bộ phận, các yếu tố, các thuộc tính khác nhau của chính sự vật, hiện tượng đó, mặt khác chúng ta phải xem xét trong mối liên hệ giữa nó với với các sự vật khác (kể cả trực tiếp và gián tiếp). đề cập đến hai nội dung này, V.I. Lênin viết "muốn thực sự hiểu

được sự vật, cần phải nhìn bao quát và nghiên cứu tất cả các mặt, các mối liên hệ trực tiếp và gián tiếp của sự vật đó".

Hơn thế nữa, quan điểm toàn diện đòi hỏi, để nhận thức được sự vật, cần phải xem xét nó trong mối liên hệ với nhu cầu thực tiễn của con người. Ứng với mỗi con người, mỗi thời đại và trong một hoàn cảnh lịch sử nhất định, con người bao giờ cũng chỉ phản ánh được một số lượng hữu hạn những mối liên hệ. Bởi vậy, tri thức đạt được về sự vật cũng chỉ là tương đối, không đầy đủ không trọn vẹn. Có ý thức được điều này chúng ta mới tránh được việc tuyệt đối hoá những tri thức đã có về sự vật và tránh xem đó là những chân lý bất biến, tuyệt đối không thể bỏ sung, không thể phát triển. Để nhận thức được sự vật, cần phải nghiên cứu tất cả các mối liên hệ, "cần thiết phải xem xét tất cả mọi mặt để đề phòng cho chúng ta khỏi phạm sai lầm và sự cứng nhắc."

Quan điểm toàn diện đối lập với quan điểm phiến diện không chỉ ở chỗ nó chú ý đến nhiều mặt, nhiều mối liên hệ. Việc chú ý tới nhiều mặt, nhiều mối liên hệ vẫn có thể là phiến diện nếu chúng ta đánh giá ngang nhau những thuộc tính, những quy định khác nhau của của sự vật được thể hiện trong những mối liên hệ khác nhau đó. Quan điểm toàn diện chân thực đòi hỏi chúng ta phải đi từ tri thức về nhiều mặt, nhiều mối liên hệ của sự vật đến chỗ khái quát để rút ra cái bản chất chi phối sự tồn tại và phát triển của sự vật hay hiện tượng đó.

Như vậy, quan điểm toàn diện cũng không đồng nhất với cách xem xét dàn trải, liệt kê những tính quy định khác nhau của sự vật, hiện tượng. Nó đòi hỏi phải làm nổi bật cái cơ bản, cái quan trọng nhất của sự vật hiện tượng đó.

Có thể kết luận, quá trình hình thành quan điểm toàn diện đúng đắn với tư cách là nguyên tắc phương pháp luận để nhận thức sự vật sẽ phải trải qua các giai đoạn cơ bản là đi từ ý niệm ban đầu về cái toàn thể để

để nhận thức một mặt, một mối liên hệ nào đó của sự vật rồi đến nhận thức nhiều mặt, nhiều mối liên hệ của sự vật đó và cuối cùng, khái quát những tri thức phong phú đó để rút ra tri thức về bản chất của sự vật.

Quan điểm toàn diện vừa khác chủ nghĩa chiết trung vừa khác thuật nguy biện. Chủ nghĩa chiết trung tuy cũng tỏ ra chú ý tới nhiều mặt khác nhau nhưng lại kết hợp một cách vô nguyên tắc những cái hết sức khác nhau thành một hình ảnh không đúng về sự vật. Chủ nghĩa chiết trung không biết rút ra mặt bản chất, mối liên hệ căn bản nên rơi vào chỗ cào bằng các mặt, kết hợp một cách vô nguyên tắc các mối liên hệ khác nhau, do đó hoàn toàn bất lực khi cần phải có quyết sách đúng đắn. Thuật nguy biện cũng chỉ chú ý đến những mặt, những mối liên hệ khác nhau của sự vật nhưng lại đưa cái không cơ bản thành cái cơ bản, cái không bản chất thành cái bản chất. Cả chủ nghĩa chiết trung và thuật nguy biện đều là những biểu hiện khác nhau của phương pháp luận sai lầm trong việc xem xét các sự vật, hiện tượng.

CHƯƠNG 2

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN VÀO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CNXH Ở NƯỚC TA

2.1-QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, BỎ QUA CHẾ ĐỘ TBCN Ở VIỆT NAM LÀ MỘT TẮT YẾU LỊCH SỬ.

Nước ta quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là một tắt yếu lịch sử bởi vì:

- Toàn thế giới đã bước vào thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH. Thực tiễn đã khẳng định CNTB là chế độ xã hội đã lỗi thời về mặt lịch sử, sớm hay muộn cũng phải được thay bằng hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội. Cho dù hiện nay, với những cố gắng để thích nghi với tình hình mới, CNTB thế giới vẫn đang có những thành tựu phát triển nhưng vẫn không vượt ra khỏi những mâu thuẫn cơ bản của nó, những mâu thuẫn này không dịu đi mà ngày càng phát triển gay gắt và sâu sắc. CNTB không phải là tương lai của loài người. Quá trình cải biến xã hội cũ, xây dựng xã hội mới- xã hội chủ nghĩa không phải là quá trình cải lương, duy ý chí mà là quá trình cách mạng sôi động trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau phù hợp với quy luật của lịch sử. Chủ nghĩa xã hội khoa học, tự do, dân chủ và nhân đạo mà nhân dân ta và loài người tiến bộ đang vươn tới luôn đại diện cho những giá trị tiến bộ của nhân loại, đại diện lợi ích của những người lao động, là hình thái xã hội cao hơn CNTB. Quá trình cách mạng đó vì sự nghiệp cao cả là giải phóng con người, vì sự nghiệp phát triển tự do và toàn diện của con người, vì tiến bộ chung của loài người. Đi theo dòng chảy của thời đại cũng tức là đi theo quy luật phát triển tự nhiên của lịch sử.

-Cách mạng Việt nam phát triển theo con đường độc lập dân tộc, gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Tính tắt yếu lịch sử ấy xuất hiện từ những năm 20 của thế kỷ XX. Nhờ đi con đường ấy, nhân dân ta đã làm cách mạng tháng Tám thành công, đã tiến hành thắng lợi hai cuộc kháng chiến hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ngày nay, chỉ có đi lên CNXH mới giữ vững được độc lập dân tộc, tự do cho dân tộc, mới thực hiện được

mục tiêu làm cho mọi người được ấm no, tự do hạnh phúc. Sự lựa chọn con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta như vậy là sự lựa chọn của chính lịch sử dân tộc lại vừa phù hợp với xu thế của thời đại. Điều đó cũng thể hiện sự quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN ở nước ta là một tất yếu lịch sử.

Chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, theo cách nói tóm tắt và mộc mạc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là; trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc. Quán triệt tư tưởng cơ bản đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Đảng ta đã khẳng định: “xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:

-Do nhân dân lao động làm chủ

-Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

-Có nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc

-Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bắt công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển cá nhân.

-Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

-Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới

Mục tiêu của CNXH ở nước ta là: xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh.

2.2- VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN VÀO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CNXH Ở VIỆT NAM

Để đảm bảo có được nhận thức đúng đắn về một vấn đề, chúng ta phải xem xét vấn đề đó theo quan điểm toàn diện. Điều này có nghĩa là phải xem xét sự vật, hiện tượng trong mối liên hệ tác động qua lại giữa các bộ phận, các yếu tố, các thuộc tính khác nhau của sự vật, hiện tượng cũng như trong mối liên hệ qua lại giữa sự vật đối với các sự vật khác và trong mối liên hệ với nhu cầu thực tiễn của con người.

Với mục đích có được nhận thức đúng đắn, từ đó đề ra những chủ trương, chính sách đúng nhằm góp phần hoàn thành thắng lợi sự nghiệp cao cả là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam của nhân dân ta thì trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội chúng ta phải có một cái nhìn toàn diện đối với các nhân tố của lực lượng sản xuất cũng như các nhân tố của quan hệ sản xuất trong mỗi quan hệ qua lại với nhau một cách biện chứng, không xem nhẹ hay bỏ qua bất cứ một nhân tố nào, có như vậy các chủ trương, chính sách đưa ra mới góp phần vào thành công của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2.2.1 Đánh giá những thành tựu và những hạn chế của CNXH trong thời gian qua

Thực tiễn cho thấy, CNXH trong quá trình hình thành và phát triển đã đạt được những thành tựu về nhiều mặt có ý nghĩa lịch sử to lớn như:

Một là: Đã xây dựng một hệ thống giá trị riêng của mình, đã phát triển lực lượng sản xuất, đã xoá bỏ về cơ bản chế độ người bóc lột người, đã thực hiện một chế độ phúc lợi xã hội và giáo dục văn hoá quốc tế cho toàn dân.

Hai là: Cứu loài người ra khỏi thảm hoạ phát xít, là chỗ dựa cho phong trào hoà bình và cách mạng thế giới, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, là những sai lầm và thiếu sót. Đó là sự vận dụng không đúng đắn, thiếu sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn cuộc sống, cũng như việc chậm tổng kết những bài học từ thực tiễn xây dựng CNXH để bổ sung phát triển đường lối, chính sách phát triển lý luận; Như vội vã xóa bỏ mọi thành phần kinh tế hàng hoá, thực hiện công nghiệp hoá mà không tính đến hiệu quả của các công trình được xây dựng, coi nhẹ hoặc phủ nhận cuộc đấu tranh giai cấp, thiết chế một nền dân chủ nặng về hình thức, chưa đảm bảo nhân dân lao động thực sự làm chủ mọi mặt của đời sống xã hội; thực hiện chính sách bao cấp tràn lan, chậm trễ trong cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại; coi nhẹ công tác xây dựng đảng và đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội.v.v..

Những khuyết tật mang tính giáo điều, chủ quan duy ý chí, quan liêu xa rời quần chúng nói trên đã làm cho tính ưu việt của CNXH lâm vào khủng hoảng toàn diện.

Nguyên nhân của những khuyết tật trên bao gồm nhiều nguyên nhân mà một trong những nguyên nhân chính là xa rời hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin, vận dụng không đúng đắn sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, trong đó có nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, quan điểm toàn diện trong chủ nghĩa Mác-Lênin. Không xem xét sự việc trong mối liên hệ với sự việc khác, quá nhấn mạnh coi trọng nhiệm vụ này mà xa rời hoặc thậm chí là phủ nhận mục tiêu khác.v.v..

2.2.2 Vận dụng quan điểm toàn diện vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Đi lên CNXH là con đường tất yếu của nước ta. Chúng ta phê phán những khuyết tật, sai lầm trong quá trình xây dựng CNXH nhưng không quan niệm những lệch lạc đó là khuyết tật của bản thân chế độ, coi khuyết điểm là tất cả, phủ định thành tựu, từ đó dao động về mục tiêu và con

đường đi lên CNXH. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu CNXH, mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có kết quả bằng những quan niệm đúng đắn về CNXH, bằng những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

Điều cốt yếu để công cuộc đổi mới giữ được định hướng CNXH và đi đến thành công là trong quá trình đổi mới, Đảng phải kiên trì vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin. Đảng phải tự đổi mới và chỉnh đốn, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình.

Đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm thích hợp. Thực tiễn cho thấy đổi mới là cuộc cách mạng sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trên từng lĩnh vực, nội dung của đổi mới cũng bao gồm nhiều mặt; từ đổi mới quan niệm đến đổi mới cơ chế, chính sách, tổ chức cán bộ, phong cách và lề lối làm việc. Nếu chỉ đổi mới một lĩnh vực hoặc một khâu nào đó thì công cuộc đổi mới không thể đạt kết quả mong muốn. Đồng thời trong mỗi bước đi lại phải xác định đúng khâu then chốt để tập trung sức giải quyết làm cơ sở đổi mới các khâu khác và lĩnh vực khác.

Về quan hệ đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. Kinh tế và chính trị là hai mặt cốt lõi của mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Trong mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị thì kinh tế giữ vai trò quyết định chính trị, vì.

Kinh tế là nội dung vật chất của chính trị, còn chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế.

Cơ sở kinh tế với tính cách là kết cấu hiện thực sản sinh ra hệ thống chính trị tương ứng với quy định hệ thống đó. Nói cách khác, tính chất xã hội, giai cấp của chính trị bao giờ cũng phản ánh tính chất xã hội và giai cấp của cơ sở hạ tầng. Từ đó dẫn đến sự biến đổi căn bản của kinh tế lẫn chính trị.

Sự tác động của chính trị đối với kinh tế: Chính trị được biểu hiện tập trung bằng nhà nước, có sức mạnh vật chất tương ứng. Nhà nước có tác dụng quyết định năng lực hiện thực hoá những tất yếu kinh tế. Ăngghen nói "Bạo lực (quyền lực nhà nước) cũng là một lực lượng kinh tế".

Trong công cuộc đổi mới của nước ta hiện nay, chúng ta chủ trương tiến hành đổi mới đồng bộ phải kết hợp ngay từ đầu, đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị và các mặt khác của đời sống xã hội. Trong đó, đổi mới kinh tế là trọng tâm, còn đổi mới chính trị thúc đẩy đổi mới kinh tế. Đổi mới kinh tế chính là đổi mới ở lĩnh vực CSHT, đó là đổi mới cơ cấu kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý, phương thức phân phối, quy trình công nghệ...nhằm làm cho nền kinh tế nước ta phát triển hoà nhập với trình độ phát triển kinh tế thế giới.

Đổi mới kinh tế là tiền đề cho đổi mới chính trị, nó tạo ra nền tảng vật chất cho ổn định về chính trị xã hội, nó làm nảy sinh nhu cầu đổi mới hệ thống chính trị, làm cho nó năng động và trở thành động lực thực sự của sự phát triển kinh tế.

Đổi mới chính trị phải xuất phát từ yêu cầu đổi mới kinh tế, phải phù hợp với đổi mới kinh tế.

Đổi mới chính trị chính là đổi mới ở bộ phận quan trọng của KTTT, đổi mới chính trị thể hiện ở đổi mới tổ chức, đổi mới bộ máy, phân cấp lãnh đạo của Đảng, dân chủ hoá trước hết từ trong Đảng.

Đổi mới chính trị, tạo điều kiện cho đổi mới kinh tế

Khi đường lối chính trị, thiết chế chính trị được đổi mới phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thì chính trị trở thành định hướng cho phát triển kinh tế. Đồng thời tạo môi trường phát triển về an ninh trật tự để phát triển kinh tế và chính trị còn đóng vai trò can thiệp điều tiết, khắc phục những mặt trái do đổi mới kinh tế đưa đến.

Một trong những đặc trưng cơ bản của CNXH đó là nền kinh tế nhiều thành phần, trước đây do nhận thức sai lầm chúng ta đã xóa bỏ mọi thành phần kinh tế, chỉ còn 2 lại thành phần kinh tế là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, thì nay chúng ta phải chủ trương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần phải đi đôi với vai trò tăng cường quản lý của nhà nước về kinh tế-xã hội.

Trước đại hội VI, chúng ta đã nóng vội và nhất loạt xây dựng QHSX một thành phần dựa trên cơ sở công hữu XHCN về tư liệu sản xuất, làm như vậy là chúng ta đã đẩy QHSX đi quá xa so với trình độ phát triển của LLSX tạo ra mâu thuẫn giữa một bên là LLSX thấp kém với một bên là QHSX được xã hội hoá giả tạo, dẫn đến kìm hãm sự phát triển của LLSX làm cho đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế xã hội.

Từ đại hội VI đến nay, khắc phục sai lầm trên, chúng ta thực hiện xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, xuất phát từ tính chất và trình độ của LLSX nước ta là đa dạng, không đồng đều và chưa cao.

Thực tiễn 15 năm đổi mới đã khẳng định chủ trương xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần là phù hợp với phát triển LLSX ở nước ta. Nó đã thực sự giải phóng, phát triển, khơi dậy các tiềm năng của sản xuất, khơi dậy năng lực sáng tạo chủ động của các chủ thể lao động trong sản xuất, đưa nước ta ra khỏi thời kỳ khủng hoảng kinh tế xã hội.

Việc xây dựng kinh tế hàng hoá nhiều thành phần cũng có nghĩa là chúng ta chấp nhận đa dạng hoá các hình thức sở hữu để phát triển kinh tế nước nhà.

KẾT LUẬN

Nước ta quá độ lên CNXH từ xuất phát điểm rất thấp; nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nhỏ, tự cấp tự túc, còn ở tình trạng phổ biến của tái sản

xuất giản đơn, lực lượng sản xuất lạc hậu, năng suất lao động thấp, quan hệ sản xuất yếu kém...

Để xây dựng thành công CNXH, đảm bảo mục tiêu dân giàu nước mạnh xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, đòi hỏi chúng ta phải có chủ trương đổi mới toàn diện trên mọi mặt của đời sống xã hội, phải kết hợp đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị. Phát triển kinh tế nhiều thành phần, tạo mọi điều kiện để các thành phần kinh tế phát triển, có như vậy mới tạo ra nhiều của cải vật chất tạo tiền đề cho sự ra đời và phát triển của CNXH